

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 21/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 08 - 4 - 2025

V/v: “Kiện ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ – TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Khoát và bà Nguyễn Thị Huê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Chính – Là thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2025/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2025, về việc “Kiện xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2025, Quyết định hoãn phiên toà 15/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị T, sinh năm 1975.

- Bị đơn: Ông Hoàng Văn Q, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Tổ 5, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

(Phiên tòa chị Bùi Thị T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Hoàng Văn Q vắng mặt không có lý do).

NHẬN THẤY

* Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị T đều khai, trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Hoàng Văn Q kết hôn là tự nguyện, có thời gian gian tìm hiểu nhau, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Đăng ký kết hôn ngày 04/8/1994 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T (nay là phường T, thành phố P), tỉnh Hà Nam. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống về cách sống, quan điểm sống không hợp nhau, từ đó ông Q thường xuyên có hành vi đánh mắng bà T; vì thương con nên bà T cam chịu để giữ gìn hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên ông Q càng thấy bà nhàn nhin thì lại càng đánh chửi bà nhiều hơn. Trong cuộc sống bà không được ông Q tôn trọng như công to việc lớn trong gia đình ông Qg đều không bàn bạc gì với bà. Cuộc sống vợ chồng bất hoà kéo dài và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm từ

năm 2021. Đến tháng 10/2024 vợ chồng xảy ra xô sát, ông Q lấy nồi cơm điện phang vào đầu bà T, dẫn đến bà T phải đi khâu mấy mũi, sau đó bà báo cáo sự việc ông Q đánh bà lên chính quyền địa phương. Vợ chồng sống ly thân từ nhau từ tháng 10/2024 đến nay không ai còn quan tâm liên lạc gì đến nhau. Nay bà xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài không thể đoàn tụ được nên xin được ly hôn với ông Hoàng Văn Q.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung là Hoàng Thị H, sinh năm 1995 và Hoàng Như Q1, sinh năm 2000. Hiện cả hai con đã trưởng thành đủ 18 tuổi và lập gia đình riêng nên khi ly hôn bà T không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung. Vợ chồng không có con nuôi, con riêng.

- Về tài sản chung, riêng và công nợ chung: Bà Bùi Thị T trình bày vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung nên không đề nghị giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án ông Hoàng Văn Q đã nhiều lần được Tòa triệu tập hợp lệ nhưng luôn vắng mặt, không chấp hành yêu cầu triệu tập của Tòa án để giải quyết việc bà Bùi Thị T xin ly hôn.

Xác minh tại nơi ông Q cư trú xác định ông Q có hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại Tổ 5, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Ông Q là lao động tự do sáng đi làm tối về nên Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Q thông qua địa phương theo quy định của pháp luật nhưng ông Q vẫn cố tình không có mặt làm việc và cũng không có quan điểm về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quan điểm của Ủy ban nhân dân phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam xác nhận: Bà Bùi Thị T và ông Hoàng Văn Q có đăng ký kết hôn ngày 04/8/1994 tại Ủy ban nhân dân phường. Sau khi kết hôn ông Q, bà T sinh sống tại tổ 5, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Quá trình sinh sống tại địa phương ông Q, bà T có xảy ra xô sát đánh cãi chửi nhau, kể từ cuối năm 2024 đến nay bà Bùi Thị T không sinh sống tại địa phương. Vợ chồng ông Q, bà T sinh được hai người con là Hoàng Thị H, sinh năm 1995 và Hoàng Như Q1, sinh năm 2000, hiện cả hai con chung của ông Q, bà T đã lấy chồng. Nay bà T xin ly hôn ông Q, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn của ông, bà theo quy định của pháp luật, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự.

* Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà Bùi Thị T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn. Bị đơn ông Hoàng Văn Q vắng mặt đến phiên tòa mở lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử những người tham gia tố tụng, ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký từ khi thụ lý cho đến trước khi vào nghị án thực hiện đúng theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền và trình tự thủ tục của giai đoạn xét xử sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014. Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Bùi Thị Thu.

- Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa bà Bùi Thị T và ông Hoàng Văn Q.
- Về con chung, con nuôi, con riêng và tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu, đề nghị Toà không xem xét.
- Án phí ly hôn sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, nghe kiểm sát viên trình bày ý kiến phát biểu, Toà án nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Hoàng Văn Q có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại tổ 5, phường Thanh Tuyền, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam nên đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Bùi Thị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về xét xử vắng mặt: Tại phiên toà mở lần thứ hai ông Hoàng Văn Q vắng mặt không có lý do. Bà Bùi Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa bà Bùi Thị T và ông Hoàng Văn Q trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 04/8/1994 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T (nay là phường T, thành phố P), tỉnh Hà Nam nên đã thoả mãn các điều kiện, trình tự, thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Bùi Thị T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Sau kết hôn vợ chồng ông, bà đã có hai năm chung sống hoà thuận sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống về cách sống, quan điểm sống không hợp nhau từ đó thường xuyên xảy ra xô sát đánh cãi chửi nhau, đỉnh điểm là 10/2024 vợ chồng xảy ra bất đồng sâu sắc: ông Q đã đánh bà T đến mức phải đến cơ sở y tế điều trị; Bà T lo sợ về tính mạng và sức khoẻ nên ra ngoài ở, vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2024 không ai còn tình nghĩa, chấm dứt mọi quan hệ kinh tế tình cảm là có thật. Nay bà T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể đoàn tụ được nên xin ly hôn với ông Hoàng Văn Q. Xét thấy cuộc hôn nhân của bà T và ông Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xem xét chấp nhận giải quyết

cho bà T được ly hôn với ông Q là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 51,56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Thời điểm chấm dứt hôn nhân của đôi bên kể từ ngày bản án xử ly hôn của Toà có hiệu lực pháp luật theo Điều 57 Luật Hôn nhân, Gia đình 2014.

[4] Về con chung: Bà T xác nhận vợ chồng có hai con chung là Hoàng Thị H, sinh năm 1995 và Hoàng Như Q1, sinh năm 2000. Do cả hai con chung đã lập gia đình riêng, lao động, tự lập nên khi ly hôn bà không đề nghị giải quyết; Về con nuôi, con riêng: Bà T xác nhận không có, không đề nghị giải quyết do đó Hội đồng xét xử không đề cập về con chung, con nuôi, con riêng.

[5] Về tài sản chung, riêng và công nợ chung: Bà Bùi Thị T xác nhận không có, không đề nghị giải quyết do đó Hội đồng xét xử không đề cập.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật. Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 143; 144; 147; 227; 228, 238; 271; 273; 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Bùi Thị T: Xử ly hôn giữa bà Bùi Thị T và ông Hoàng Văn Q. Thời điểm chấm dứt hôn nhân giữa bà Bùi Thị T và ông Hoàng Văn Q kể từ ngày bản án xử ly hôn có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Bùi Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được đối trừ với số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0002114 ngày 31/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Bà T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm bà Bùi Thị T và ông Hoàng Văn Q vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND TP Phủ Lý;
- Chi cục THADS TP Phủ Lý;
- UBND phường. thành phố P, tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

(đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Mai Oanh